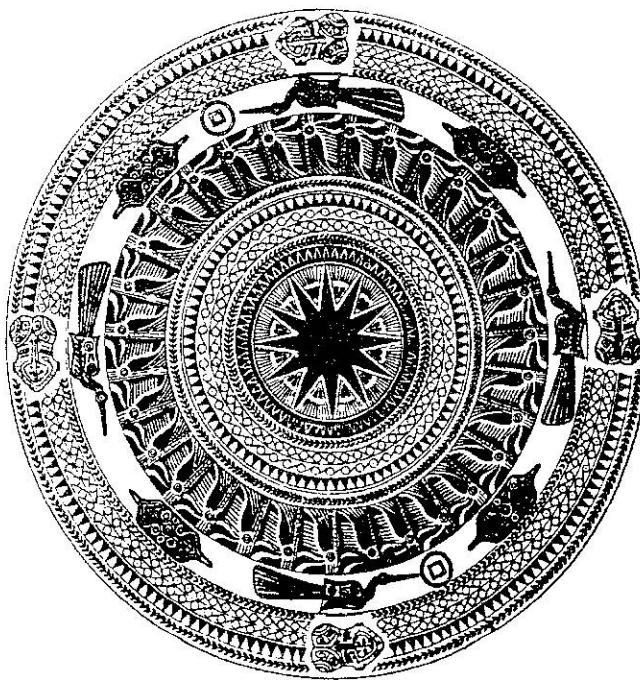


LỚP SÓNG PHẾ HƯNG

• HAI HẦU

(Trích trong loạt bài GÓP NHẶT ĐÓ ĐÂY đăng hằng năm trong Đặc san Xuân của Tây Ninh Đồng Hương Hội - Sydney)



Mặt trống đồng Đồng Sơn : Trống Thôn Mồng

Khi tị nạn ở nước ngoài, anh em Ái Hữu Công Chánh có ra tờ tạp chí tên là "Lá Thư Ái Hữu Công Chánh" để làm sợi dây liên lạc giữa các đồng nghiệp đang định cư khắp thế giới. Bài vở hầu hết do bồ nhà viết ra, không chuyên nghiệp, nhưng lá thư cũng sống được 21 tuổi. Trong số 68 vừa qua, cụ kỹ sư Trần Lê Quang, Bộ trưởng Công Chánh thời đệ I Cộng Hòa, có viết một bài đáng chú ý tựa là "Tim Lại Đầu Vết của Dân Tộc Việt Nam tại Đồng Bằng Sông Cửu Long Hồi Đầu Công Nguyên". Do nghề nghiệp cụ có dịp đi thám sát khắp Miền Nam, bằng đường bộ, đường thủy và máy bay. Năm 1961 có công tác đào con kinh Ba thê-Núi sập, cụ dùng trực thăng quan sát kỹ vùng núi Ba thê nằm giữa Long Xuyên và Rạch Giá. Giữa cánh đồng rộng mênh mông cách biên giới Kampuchia

chừng 40 cây số, thình lình nổi lên ba hòn núi cách nhau không xa: Núi Ba thê (cao 200m), núi Sập (100m), và núi Tượng (50m). Nhờ bay trên trực thăng cụ phát hiện dấu vết hai con kinh cũ bị phù sa vùi lấp. Cụ chú ý và khảo sát thêm trên không ảnh và sách vỏ thì được biết đây là thành Óc Eo cũ của dân tộc Phù Nam. Thành có bờ dài khoảng 1,000m, bờ ngang khoảng 500m, có một con kinh chạy xuyên qua thành theo trục bờ dài, theo hướng Tây Nam ra biển Rạch Giá. Điều làm cụ ngạc nhiên là con kinh chấm dứt cách bờ biển độ 12km. Một con kinh khác, dài hơn, khoảng 100km, cũng phát xuất từ thành cũ, hướng về cụm núi Thất Sơn trong tỉnh Châu Đốc, vượt biên giới Kampuchia, chạy thẳng về địa điểm gần thủ đô Nam Vang.

Cụ để ý thấy, gần chân núi Ba thê, cách bờ biển Rạch Giá hơn 30km, máy đào kinh bốc lên trên mặt đất vô số vỏ sò (coquille d' huître), rất to, dài cỡ 20cm, loại sò chỉ sống ở nước mặn. Cụ còn được biết, trong viện Bảo Tàng Sài Gòn, trước năm 1975 có trưng bày một số quan tiền bằng bạc, trên có khắc chữ Antoinus Pius (Antonin le Pieux) và Marcus Aurelius (Marc Aurèle), tên hai vị Hoàng đế trị vì Đế quốc La Mã, từ năm 136 đến năm 161 CN và từ năm 162 đến năm 180 CN. Các cổ vật này do các nhà khảo cổ Pháp đào được tại địa điểm Óc Eo gần chân núi Ba thê.

Từ những bằng chứng trên cụ có những nhận xét và đưa ra giả thuyết sau đây:

1. Ngày xưa, vào đầu thế kỷ thứ I sau Công Nguyên, tại vùng núi Ba thê ngày nay có thành Óc Eo vừa là thủ đô vừa là hải cảng của dân tộc Phù Nam. Lúc đó bờ biển Rạch Giá còn ăn sâu vào đất liền 12km, ngay đầu con kinh Óc Eo trong bản đồ. Theo con kinh này tàu biển loại nhỏ có thể vào tận chân thành Óc Eo để bốc dỡ hàng hóa. Tuy lịch sử thế giới không ghi nhận có cuộc giao tiếp nào giữa La Mã và thành Óc Eo nhưng những đồng tiền đúc được cho phép cụ suy đoán rằng có sự giao thương gián tiếp qua các thương gia Ấn Độ. Năm 320 trước Công Nguyên, Đại đế Alexandre Le Grand đã dẫn quân từ Hy Lạp xuyên qua Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Đông, Ba Tư, Afghanistan, Pakistan rồi chấm dứt tại Cachemire. Trên đường viễn chinh Ông đem văn minh Hy Lạp truyền bá đến Ấn Độ. Thường thì tu sĩ đi cùng với thương gia nên có thể đạo Phật truyền đến xứ ta qua ngả Phù Nam trước khi truyền qua ngả Trung Hoa.

2. Vào thời đó có thể có một nhánh sông Cửu Long đổ ra biển Rạch Giá bờ đắp 12km trong vòng 10 thế kỷ như đã bờ đắp nên mũi Cà Mau, rồi vì một nguyên nhân nào đó bị lấp mất hay bị đổi hướng.

3. Cụ cho rằng trong 8 thế kỷ Nam tiến từ cuộc

viễn chinh của Vua Lê Đại Hành năm 980 cho đến khi Vua Minh Mạng ra lệnh đồng hóa dân Việt gốc Chàm với dân Việt gốc Kinh năm 1820, Việt tộc dần dần hòa nhập với chủng tộc Chàm, Miên, Thượng... để hình thành khối dân tộc Việt Nam ngày hôm nay. Với sự phát hiện kinh thành Óc Eo, đồng bằng sông Cửu Long không phải nguyên thủy thuộc uy quyền của dân tộc Khmer như Kampuchia tuy nhiên truyền để tranh chấp đất đai bấy lâu nay, mà thuộc chủng tộc Phù Nam, tức là thuộc một nguồn gốc tổ tiên của khối dân tộc Việt Nam ngày nay.

Phản kết luận cụ kêu gọi thế hệ trẻ nên có một cuộc khảo cứu sâu rộng để đưa ra ánh sáng nền văn minh Óc Eo.

Đó là những dữ kiện và lý luận do cụ Trần Lê Quang đưa ra. Tình cờ tôi có đọc quyển Đông Nam Á sử cương của Giáo sư D. C. E. Hall thuộc trường Đại học Luân Đôn do ông Nguyễn Phúc Tuấn dịch, thấy có phần nào liên quan đến bài ở trên nên xin tóm tắt ra đây những lớp sóng phế hưng trong dòng lịch sử lâu dài của các dân tộc trên mảnh đất này, đối chiếu với lịch sử Việt Nam, để tự mình hiểu rõ mình hơn, và đồng thời bổ túc thêm những ghi nhận và giả thuyết của Cụ Trần Lê Quang được tóm lược ở trên.

Theo những mảnh vụn trong sử Trung Hoa đời Tam Quốc, đời Tấn, đời Ngũ Đại..., những bia đá đào được ở Mỹ sơn (Tuy Hòa), ở Đồng Tháp Mười, ở bờ biển Mã Lai, và theo truyền thuyết, các sử gia tin rằng vùng Đông Nam Á châu có một vương quốc Phù Nam hiện diện trong khoảng thế kỷ thứ hai đến thế kỷ thứ sáu. Lãnh thổ của vương quốc này chạy dài từ biên giới Lâm Ấp (Phan rang ngày nay) ở phía Đông cho đến vịnh Bengal, kể luôn phần lớn bán đảo Mã Lai. Thủ đô của họ đặt tại Vyadhapura (đô thị của các nhà săn bắn), nằm gần núi Ba Phom trong tỉnh Prey Veng của Campuchia ngày nay, và Óc Eo là hải cảng và trung tâm thương mãi. Xứ này ngày xưa có nhiều sông rạch và người Trung Hoa có thể đóng buồm xuyên qua Phù Nam trên đường đến Mã Lai (?).

Vào thế kỷ thứ ba, hai nhà Nho thuộc đời Tam Quốc, Kang Tai và Chu Ying, được gởi đi sứ trở về, lần đầu tiên để cập đến xứ Phù Nam (Funam). Kang Tai kể rằng nhà vua thủy tổ của dân tộc Phù Nam, tên là Kaundinya, theo truyền thuyết, từ một nơi nào đó, có thể là Ấn Độ, Mã Lai hay từ các hải đảo, được hướng dẫn bởi một giấc mộng, đến xứ này đánh thắng nữ hoàng Liu-yeh rồi cưới luôn bà này, sáng lập một triều đại kéo dài nhiều thế kỷ. Truyền thuyết này tương tự như truyện thần tiên Ấn Độ khắc trên bia

đá được tìm thấy tại Mỹ sơn (Phú Yên), theo đó vua Brahma Kaundinya lähnh một cây thương do thần Asvattharman tặng, phóng nó xuống đất để chỉ nơi ông lập kinh đô tương lai rồi kết hôn với thần rắn Naga và sáng lập vương triều. Truyền thuyết thần rắn Naga là biểu tượng nguồn gốc thần thánh của dân tộc Khờ-me.

Vương triều Phù Nam có tất cả 13 đời vua, từ Kaundinya vào hạ bán thế kỷ thứ nhứt đến vua Rudravarman lên ngôi năm 514 và trị vì đến năm 539. Trong số các vua này có Fan-shih-Man, vị vua thứ tư (205-225) là anh hùng hơn cả. Ông đánh chiếm 10 vương quốc mà ngày nay người ta suy đoán rằng đó là vùng đồng bằng sông Cửu Long chạy đến vịnh Cam Ranh, vùng bắc bán đảo Mã Lai và cả vùng lãnh thổ hạ Miến Điện.

Ngôn ngữ của dân tộc này lúc đầu là ngôn ngữ Tiên Khờ-me, thuộc nhóm ngôn ngữ Cực Nam Á Châu, cho đến khi sắp bị tiêu diệt thì họ dùng ngôn ngữ Cổ Khờ-me (Tôi thật sự không rõ hai ngôn ngữ này khác nhau thế nào). Có dấu vết là dân tộc này dùng Phạn ngữ và chịu ảnh hưởng của Ấn Giáo và Phật Giáo. Nhà Nho Kang Tai nói ở trên viết rằng dân chúng Phù Nam tóc quăn, đen đúa, xấu xí, sống khỏa thân. Nếp sống của họ đơn giản, không trộm cắp, làm nghề nông theo lối cổ, chậm trễ khéo léo. Các chén bát đều bằng bạc. Dân đóng thuế bằng bạc, vàng, trân châu và nước hoa. Họ cũng biết dùng sách vở và có văn khố. Văn tự của họ giống như văn tự của dân Hon, thuộc vùng Trung Á dùng Ấn Tự. Kang Tai cũng viết rằng Phù Nam có nhiều đô thị có tường bao quanh và bên trong có nhiều nhà ở. Đường như Kang Tai là người thuyết phục Fan-Hsun, vị vua thứ 8 (240-287) ra lệnh buộc dân ông mặc quần áo, cho nên dân chúng lấy tấm vải quần tròn xung quanh thân mình, giống như Sampot (sà-rông) của người Campuchia. Phần đàn bà thì chính Kaundinya, vì vua thứ nhứt, đã nhập địa tập quán mặc y phục. Tương truyền nữ hoàng Nagi Soma không mặc gì cả khi gặp Kaundinya, và Ông này tặng Bà một tấm vải có khoét lỗ để đút đầu vào. Nhà vua áp chót của vương triều Phù Nam là Kaundinya Jayavarman, Không rõ lên ngôi năm nào, nhưng thăng hà vào năm 514, có gởi một thiền sư tên Nagasena sang Trung Hoa để cầu viên quân chống lại quân Lâm Ấp nhưng bị từ khước. Trong số dâng lên vua Tàu có ghi tôn giáo thịnh hành nhứt tại Phù Nam lúc đó là Phật giáo phái Saivite (?). Sử ký nhà Tề (Nam Triều) ghi rằng dân Phù Nam chuyên nghề buôn bán, nhưng hay đi đánh phá cướp bóc các nước láng giềng. Cung điện nhà vua xây nóc bằng, dân chúng ở nhà cao cảng lợp lá tre, có rào gỗ bao

quan. Quốc phục gồm một chân xà-rong quấn ngang mình. Dân chúng thích đá gà và chơi lợn. Tôi phạm bị hành hình rất dã man. Còn sứ nhà Lương chép rằng nhà vua, đình thần và cung nữ thường dùng voi làm phương tiện đi lại. Người Phù Nam sùng bái Trời và các thần tượng bằng đồng chạm hình hai mặt, bốn tay, có hình bốn mặt tám tay. Người chết thì hoặc thả xác trôi sông, hỏa táng, chôn dưới hố, hoặc cho qua diều ăn thây. (Có lẽ những tập tục này không khác mấy với những tục lệ của người Án ngày nay).

Vào năm 503, vua Jayavarman được Thiên triều Trung quốc ban tước Bình Nam Tướng quân, Phù Nam quốc Vương. Tại Đồng Tháp Mười nhà vua có xây một đền thờ trong đó có dấu chân của thần Vishnu và bia đá ghi chép công nghiệp khai khẩn vùng đất bùn lầy của Thái tử Gunavarman. Việc này cũng giống như đền thờ vua Purnavarman ở đảo Java, trong đền cũng có vết chân thần Vishnu và vua cũng nổi tiếng về việc dẫn thủy nhập điền. Jayavarman mất vào năm 514, thái tử Gunavarman bị ám sát, và người con của một cung phi soán ngôi tức là vua Rudravarman. Từ năm 517 đến năm 539 ông có gởi nhiều phái bộ sang Trung Hoa. Vào năm 550 Vua Rudravarman băng hà, hai người cháu nội đích tôn là hai anh em Bhavavarman và Chitrasena đang cai trị Chân Lạp, trong một tình huống bí mật đã nổi lên lật đổ và chấm dứt vương triều Phù Nam. Đế quốc Phù Nam gồm những dân tộc và quốc gia chủ yếu chạy từ Chiêm Thành ở miền đông đến vịnh Bengal ở miền Tây, nên dĩ nhiên bao trùm cả nam phần Kampuchia và Nam Vieệt ngày nay. Chân Lạp là một thuộc quốc của Phù Nam nằm về phíc Bắc Kampuchia phần hạ Lào, và kinh đô nằm ở một chỗ nào đó ở vùng Bassac.

Khi lật đổ được Phù Nam, Chân Lạp lần lần mạnh lên, thay thế Phù Nam cai trị một đế quốc rộng lớn, tạo dựng một nền văn minh rực rỡ với việc xây cất những đền đài tráng lệ Đế Thiện, Đế Thích...trong các thế kỷ thứ tám, chín, mười...trong khi dân Việt Nam còn đang chịu sự thống trị của người Tàu với các tên quận huyện Giao chỉ, Giao châu, Nhật Nam.... Cũng trong lúc ấy vương quốc Lâm Ấp được thành lập từ thế kỷ thứ hai, nhiều lần đem quân đánh với quân Tàu đang cai trị Giao châu. Lần đầu tiên tên nước Chiêm Thành được xuất hiện vào thế kỷ thứ bảy, Vương quốc Lào được thành lập từ thế kỷ thứ mười sáu, Vương Quốc Thái được thành lập vào thế kỷ thứ mười ba và Vương quốc Miến Điện thành lập từ thế kỷ thứ hai và nhiều lần trở nên một đế quốc hùng mạnh tranh dành với đế quốc Khmer cai trị Thái và Lào.....

Như vậy giả thuyết thứ nhất của cụ Trần Lê Quang rất đúng. Có một dân tộc Phù Nam chẳng những thành lập được một Vương triều mà còn thành lập được một đế quốc kéo dài gần 5 thế kỷ. Dân tộc này chịu ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ sớm nhất trong vùng Đông Nam Á mà nổi bật nhất là Phật giáo và Ấn giáo. Thành Óc Eo chỉ là một thương cảng và kinh đô nằm trong tỉnh Prey Veng của Cam bốt ngày nay. Giả thuyết thứ hai cho rằng ngày xưa dòng Cửu Long đổ ra biển Rạch Giá, đất phù sa bồi thêm 12 cây số làm thành phần lớn tỉnh Rạch Giá ngày nay có thể đã xảy ra vì có sách ghi rằng cửa sông Hoàng Hà của Trung Quốc nhiều lần thay đổi vị trí. Giả thuyết thứ 3 cho rằng trên đường Nam tiến chủng tộc Việt Nam đã lấn lấn đồng hóa các chủng tộc Chàm, Thượng, Phù Nam, Miên...để làm thành khối dân tộc Việt Nam ngày nay để nói rằng đất Nam Việt nguyên thủy không phải của Miên như họ tuyên truyền. Giả thuyết này theo tôi nghĩ có phần gượng ép vì người Miên đã ngự trị trên mảnh đất này từ thế kỷ thứ 6 sau khi họ kế thừa đế quốc Phù Nam. Vả lại điều này cũng không cần thiết, hoặc có cần cung chỉ để làm một chiêu bài trang trí, vì trải qua gần hai ngàn năm tàng thương biến đổi với biết bao lớp sóng phế hưng, biết bao lần biên giới quốc gia này thay đổi, lãnh thổ của dân tộc kia bị sang tay, bất kể nguyên thủy nó của ai, nhưng chỉ căn cứ vào sức mạnh của từng dân tộc.

Ngày nay hai quốc gia Phù Nam và Chiêm Thành bị biến mất, đế quốc Khmer bị suy yếu, teo nhỏ lại và luôn bị xáo trộn. Nếu người Pháp không đến có lẽ biên giới nước ta giáp với Thái Lan tại một nơi nào đó trên đất Chùa Tháp, và quốc gia Campuchia cũng như Lào sẽ không tồn tại. Chỉ có người Việt và người Thái nhờ sức bình trướng của dân tộc mà lãnh thổ được như ngày hôm nay. Như vậy mạnh thì được, yếu thì thua, hay khôn sống, mống chết. Người ta tưởng cái thuyết này chỉ đúng với loài dã thú trong rừng hoang vì chúng nó không biết công bằng và nhân đạo, nhưng thực tế nó đã biến thành chân lý của loài người từ mấy ngàn năm nay, mặc dù loài người luôn tự xưng mình là một sinh vật cao cả và văn minh. Lịch sử luôn luôn tái diễn, lớp sóng phế hưng không miễn trừ một cá nhân, một dòng họ hay một dân tộc nào. Muốn sống còn, muốn tranh thủ được nhiều đất đai, không gì quan trọng hơn là làm cho dân tộc mình càng ngày càng hùng mạnh để chờ một sự tình cờ may mắn của lịch sử, quốc gia chúng ta lại phát triển nhiều hơn. Nhưng trước hết mỗi cá nhân chúng ta cũng phải tìm cách vươn lên.

